

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2026/HNGĐ-PT
Ngày: 20 - 5 - 2026
V/v tranh chấp "Chia tài sản sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Hải.

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:** Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2026/TLPT- HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2026 về tranh chấp "Chia tài sản sau ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 114/2025/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 940/2026/QĐ-PT ngày 07 tháng 04 năm 2026 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Huỳnh Thị D, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T (Nay là ấp A, xã T), tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Nu T, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T (N là ấp T, xã T), tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. **Bị đơn:** Giang Thanh V, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 4 Khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (Địa chỉ hiện nay: 41/10 T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Giang Thanh V là anh Nguyễn Thiện H, sinh năm 1984 và anh Mai Trung T1, sinh năm 1999. Địa chỉ: Số B, đường E, khu phố A, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ

hiện nay: Số D, đường số I, khu phố N, phường D, thành phố Hồ Chí Minh).
(Có mặt anh T1)

3. Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Giang Thanh V là anh Mai Trung T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn Huỳnh Thị D và người đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị Nu T trình bày:

Trước đây chị D và anh V là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định số 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp). Ngày 04/01/2018 chị D và anh V xác lập “Giấy tự thuận” được Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp chứng thực với các nội dung như sau:

“Giấy tự thuận

1- Tôi tên Giang Thanh V, sinh năm 1979. CMND: 340946696 ngày 11/4/2012.

Hiện cư trú tại khóm I - thị trấn S - huyện T - Đồng Tháp.

2- Huỳnh Thị D, sinh năm 1980. CMND: 341055873 ngày 11/4/2012. Cùng địa chỉ trên.

Nay chúng tôi thỏa thuận như sau:

* Về tài sản gồm:

- 03 xe ô tô (01 xe 7 chỗ Tên Giang Thanh V. Biển số: 66A-033.63)

(01 xe 16 chỗ tên Huỳnh Thị D. Biển số: 66B-006.69)

(01 xe ô tô tải tên Đặng Huy H1. Biển số: 60V-5685).

- 01 nền nhà diện tích 200m² đường N, khóm A và căn nhà tiền chế 5 x 30. Theo giấy bìa CA 509117, sổ vào sổ CH 04616, cấp ngày tại UBND huyện T.

- 01 căn nhà và nội thất trong nhà.

- 01 cửa hàng đồ trang trí nội thất tên Thanh V.

- 02 hợp đồng bảo hiểm nhân thọ P số 71070990 tên Giang Thanh V và HĐ 70820611 tên Giang Thanh V.

Số tài sản trên Huỳnh Thị D hoàn toàn có quyền cho, tặng, bán, cầm cố mà không cần ý kiến của tôi.

* Về công nợ:

Đối với số nợ vợ chồng tôi thiếu của các cơ quan tín dụng gồm M, V1, các tổ chức, cá nhân, chị vợ và mẹ ruột tôi. Vợ tôi có nghĩa vụ đơn phương trả hết toàn bộ số nợ kể trên.

* Đối với 02 nền nhà đường H 4m x 38m và 4,60m x 25m Bắc giáp đường H, Tây giáp trại mộc T2, Đông giáp ông Ca Văn H2, Nam giáp ông 4 T3 chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của tôi và mẹ ruột tôi đồng ý cho con trai tôi là G Huỳnh Quốc H3, sinh năm 2003 và nhờ vợ tôi Huỳnh Thị D giám hộ, đến khi con tôi đã 18 tuổi và tôi phải có trách nhiệm sang tên cho con tôi chủ quyền 02 nền nhà nói trên. Trong thời gian con tôi chưa đủ 18 tuổi thì vợ tôi không được cho thuê, cho, tặng, bán cho bất cứ tổ chức cá nhân nào. Đến khi nào vợ tôi hoàn thành việc trả nợ cho các tổ chức, cá nhân kể trên tôi có nghĩa vụ sang tên qua cho vợ tôi những giấy tờ mà tôi đứng tên.

Kể từ làm tờ tự thuận này ông Giang Thanh V không có bất cứ nghĩa vụ và quyền lợi gì đối với công nợ và tài sản kể trên. Ông Giang Thanh V đã nhận được 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và ông V hoàn toàn không có quyền tranh chấp bất cứ tài sản nào kể trên. Tài sản chỉ chia một lần duy nhất. Nếu có bất cứ sự tranh chấp số tài sản nói trên tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”.

Tuy nhiên, đến nay anh V không thực hiện theo giấy tự thuận trên. Chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh V chuyển quyền sang tên và giao cho chị D quản lý sử dụng: Một nền nhà diện tích 169,5m² (theo đo đạc thực tế) tọa lạc tại đường N, Khóm A (nay là ấp A), thị trấn S (nay là xã T) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 509117; Một căn nhà tiền chế ngang 5m x dài 30m trên phần đất trên và một xe ô tô 7 chỗ biển số 66A-033.63. Vì theo giấy tự thuận 04-01-2018 giữa chị D và anh V thì toàn bộ những tài sản trên anh V thống nhất giao cho chị D với điều kiện chị D đưa cho anh V số tiền 150.000.000 đồng và trả toàn bộ nợ chung của vợ chồng cho cá nhân, tổ chức tín dụng. Chị D đã thực hiện việc trả toàn bộ số nợ của vợ chồng cho cá nhân, tổ chức tín dụng với tổng số tiền: 2.750.000.000 đồng, và đã đưa cho anh V 120.000.000 đồng, chỉ còn lại 30.000.000 đồng thỏa thuận là khi nào anh V sang tên xong thì chị D sẽ đưa cho anh V (nay chị D tự nguyện tiếp tục giao cho anh V số tiền 30.000.000 đồng còn lại theo đúng giấy tự thuận). Chị D xin rút lại yêu cầu yêu cầu công nhận 02 nền nhà tại đường H, khóm A, thị trấn S (nay là đường H, xã T) là tài sản riêng của Giang Huỳnh Quốc H3; Và nếu Tòa án chia đôi mỗi người ½ giá trị tài sản như trên thì chị D yêu cầu anh V phải chia đôi phần nợ chung mà chị D đã một mình trả nợ cho các cá nhân, tổ chức tín dụng tổng cộng số tiền là $2.750.000.000\text{đ}/2 = 1.375.000.000$ đồng và 120.000.000 đồng đã đưa cho anh V = 1.495.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Giang Thanh V và người đại diện theo ủy quyền là anh Mai Trung T1 trình bày:

Qua ý kiến của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không thống nhất. Vì tài sản chung của vợ chồng là cả hai vợ chồng cùng tạo dựng nên chia đôi mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản. Anh **V** không thống nhất theo giấy tự thuận ngày 04-01-2018 vì giấy tự thuận giữa anh **V** và chị **D** là giấy viết tay chứ không phải đánh máy như chị **D** đã nộp cho Tòa án, nội dung giấy tự thuận nộp cho Tòa án hoàn toàn khác với nội dung thỏa thuận trước đó (giấy viết tay), chữ ký trong giấy tự thuận không phải là chữ ký của anh **V**, giấy tự thuận không có điểm chỉ, không có ký từng trang của anh **V** và phần chứng thực của Ủy ban **thị trấn S** có sự chênh lệch năm (phía trên là ngày 04-01-2018 nhưng chỗ Chủ tịch ký tên là ngày 04-01-2017). Nay anh **V** yêu cầu chia đôi số tài sản chung của vợ chồng gồm:

- Quyền sử dụng đất có số phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 509117, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 04616 được Ủy ban nhân dân huyện **T** cấp ngày 15/9/2015 cho ông **G** thanh **V**, anh **V** yêu cầu chia đôi mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản theo định giá là 2.491.650.000 đồng, anh **V** yêu cầu được nhận tài sản và thống nhất trả $\frac{1}{2}$ giá trị cho chị **D** là 1.245.825.000 đồng. Và căn nhà trên đất diện đất này có giá trị định giá là 15.000.000 đồng, anh **V** yêu cầu nhận tài sản trên và thống nhất trả $\frac{1}{2}$ giá trị cho chị **D** là 7.500.000 đồng (Nếu trong trường hợp chị **D** nhận tài sản thì trả $\frac{1}{2}$ các giá trị cho anh **V**).

- Xe ô tô mang biển số 66A-033.63 hiệu Captiva do anh **V** đứng tên chủ sở hữu yêu cầu chia đôi tài sản theo giá trị định giá là 200.000.000 đồng, anh **V** yêu cầu được nhận tài sản và thống nhất trả $\frac{1}{2}$ giá trị cho chị **D** là 100.000.000 đồng (Nếu trong trường hợp chị **D** nhận tài sản thì trả $\frac{1}{2}$ giá trị cho anh **V**).

Tổng số tiền $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản anh **V** yêu cầu chia là 1.353.325.000 đồng. Ngoài ra anh **V** không còn tranh chấp tài sản chung của vợ chồng nào khác.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 114/2025/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 27, 28, 33, 35, 37, 38, 41, 43, 59 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 213 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 12, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Huỳnh Thị D** đối với yêu cầu: Công nhận 02 nền nhà tại đường **H**, khóm **A**, thị trấn **S** (nay là đường **H**, xã **T**) là tài sản riêng của **Giang Huỳnh Quốc H3**.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh **Giang Thanh V**.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn **Huỳnh Thị D.**

3.1. Công nhận diện tích đất 169,5m² (theo đo đạc thực tế) tọa lạc tại **đường N, Khóm A (nay là ấp A), thị trấn S (nay là xã T)**, thuộc thửa số 83, tờ bản đồ số 42, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 509117, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04616 được **Ủy ban nhân dân huyện T** cấp ngày 15/9/2015 cho ông **Giang Thanh V** và căn nhà tiền chế diện tích 5m x dài 30m trên diện tích đất này là tài sản riêng của chị **Huỳnh Thị D.**

3.2. Công nhận 01 xe ô tô 7 chỗ mang biển số 66A-033.63 hiệu Captiva do anh **Giang Thanh V** đứng tên chủ sở hữu là tài sản riêng của chị **Huỳnh Thị D.**

- Buộc anh **Giang Thanh V** thực hiện việc chuyển quyền sang tên và giao cho chị **Huỳnh Thị D** quản lý, sử dụng diện tích đất 169,5m², thuộc thửa số 83, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại **đường N, Khóm A (nay là ấp A), thị trấn S (nay là xã T)**.

- Buộc anh **Giang Thanh V** thực hiện việc chuyển quyền sang tên và giao cho chị **Huỳnh Thị D** quản lý, sử dụng 01 xe ô tô 7 chỗ mang biển số 66A-033.63 hiệu Captiva do anh **Giang Thanh V** đứng tên chủ sở hữu.

3.3. Buộc anh **Giang Thanh V** giao cho chị **Huỳnh Thị D** quản lý, sử dụng 01 căn nhà tiền chế diện tích 5m x dài 30m trên diện tích đất 169,5m², thuộc thửa số 83, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại **đường N, Khóm A (nay là ấp A), thị trấn S (nay là xã T)**.

Vị trí đất trong phạm vi các mốc: Từ M1 đến M2, M3, M4.

*Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp); Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 05-5-2021 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện T** (nay là Chi nhánh **Văn phòng Đ**) kèm theo.*

(Tất cả giá trị đất và tài sản tính theo biên bản định giá ngày 17-10-2023)

- Trong trường hợp anh **Giang Thanh V** không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác lập thủ tục chuyển quyền cho chị **Huỳnh Thị D** thì đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 169,5m² (theo đo đạc thực tế) tọa lạc tại **đường N, Khóm A (nay là ấp A), thị trấn S (nay là xã T)**, thuộc thửa số 83, tờ bản đồ số 42, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 509117, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04616 được **Ủy ban nhân dân huyện T** cấp ngày 15/9/2015 cho ông **Giang Thanh V**; thu hồi giấy đăng ký xe ô tô mang biển số 66A-033.63 hiệu Captiva do anh **Giang Thanh V** đứng tên chủ sở hữu để cấp lại cho cá nhân chị **Huỳnh Thị D.**

3.4. Công nhận sự tự nguyện của chị **Huỳnh Thị D** về việc tiếp tục trả cho anh **Giang Thanh V** số tiền còn thiếu 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) theo “Giấy tự thuận” ngày 04-01-2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn **Giang Thanh V** là anh **Mai Trung T1** có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố, yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên* về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

XÉT THẤY:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn **Giang Thanh V** là anh **Mai Trung T1** còn trong thời hạn quy định theo Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét, việc nguyên đơn chị **Huỳnh Thị D** rút một phần yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu giải quyết đối với 02 nền nhà tại **đường H, khóm A, thị trấn S (nay là đường H, xã T)** là tài sản riêng của **Giang Huỳnh Quốc H3**, là hoàn toàn tự nguyện nên cấp sơ thẩm căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút là đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo của bị đơn yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

[3.1] Anh **Giang Thanh V** và chị **Huỳnh Thị D** thuận tình ly hôn theo Quyết định số: 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp) (Bút lục 55); “Về tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Về nợ chung: anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết”. Chị **D** trình bày cùng ngày 04/01/2018, anh **V** và chị **D** xác lập “Giấy tự thuận” để thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung, được chứng thực tại **Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**. Do anh **V** không thực hiện đúng theo thỏa thuận nên chị **Huỳnh Thị D** khởi kiện yêu cầu anh **V** chuyển quyền sang tên và giao cho chị **D** quản lý, sử dụng: Một nền nhà diện tích 169,5m² (theo đo đạc thực tế) tọa lạc tại **đường N, Khóm A (nay là ấp A), thị trấn S (nay là xã T)** thửa đất số

83, tờ bản đồ số 42, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 509117, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04616 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 15/9/2015 cho anh Giang Thanh V; Một căn nhà tiền chế ngang 5m x dài 30m trên phần đất trên và một xe ô tô 7 chỗ biển số 66A-033.63. Bị đơn anh Giang Thanh V không thống nhất theo yêu cầu của chị D, anh V yêu cầu chia đôi số tài sản chung của vợ chồng nêu trên, anh V yêu cầu được nhận tài sản, trả ½ giá trị tài sản cho chị D là 1.353.325.000 đồng (Nếu trong trường hợp chị D nhận tài sản thì trả ½ giá trị cho anh V).

[3.2] Xét, nội dung “Giấy tự thuận” ngày 04/01/2018 (Bút lục 429-430): Anh V đồng ý giao toàn bộ tài sản của vợ chồng cho chị D (trong đó, có tài sản đang tranh chấp là một nền nhà diện tích 169,5m² (theo đo đạc thực tế) tọa lạc tại đường N, Khóm A (nay là ấp A), thị trấn S (nay là xã T) thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 42, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 509117, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04616 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 15/9/2015 cho anh Giang Thanh V; Một căn nhà tiền chế ngang 5m x dài 30m trên phần đất này và một xe ô tô 7 chỗ biển số 66A-033.63) với điều kiện là chị D trả toàn bộ nợ chung của vợ chồng cho các tổ chức tín dụng gồm M, V1, các tổ chức, cá nhân, chị vợ và mẹ ruột anh V và đưa cho anh V 150.000.000 đồng. Phía anh V cho rằng “Giấy tự thuận” giữa anh V và chị D là giấy viết tay chứ không phải đánh máy như chị D đã nộp cho Tòa, nội dung “Giấy tự thuận” nộp cho Tòa án hoàn toàn khác với nội dung thỏa thuận trước đó (giấy viết tay), chữ ký trong “Giấy tự thuận” không phải là chữ ký của anh V, “Giấy tự thuận” không có điểm chỉ và ký từng trang của anh V và phần chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn S có sự chênh lệch năm (phía trên là ngày 04-01-2018 nhưng chỗ Chủ tịch ký tên là ngày 04-01-2017) nên anh V không đồng ý; Nhưng anh V không thực hiện thủ tục giám định chữ ký của anh trong “Giấy tự thuận” và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, thể hiện có sự thỏa thuận của anh chị khác với nội dung “Giấy tự thuận” mà chị D cung cấp. Mặc khác, tại văn bản cung cấp thông tin số: 1467/UBND-HC, ngày 07/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T thể hiện “Vào ngày 04/01/2018 ông Giang Thanh V và bà Huỳnh Thị D có đến Ủy ban nhân dân thị trấn S để làm “Giấy tự thuận”. Ủy ban nhân dân thị trấn S yêu cầu 02 bên đọc lại nội dung và tự nguyện ký vào giấy tự thuận (mà 02 bên đã soạn sẵn). Khi 02 bên đương sự ký xong Ủy ban nhân dân thị trấn S tiến hành chứng thực chữ ký 02 bên, số chứng thực 05, quyển số 01/SCT/CK, ĐC ngày 04/01/2018.” (Bút lục 149); Còn sự chênh lệch năm, phía trên là ngày 04/01/2018 nhưng chỗ Chủ tịch ký tên là ngày 04/01/2017 là do sai sót, sau đó Ủy ban nhân dân thị trấn S đã sửa đúng ngày chứng thực 04/01/2018 và đóng dấu vào ngay vị trí sửa.

[3.3] Do vậy, cấp sơ thẩm xác định đây là sự thỏa thuận có điều kiện và là sự tự nguyện giữa anh V và chị D, việc lập “Giấy tự thuận” không vi phạm quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được cơ quan nhà nước (Ủy ban nhân dân thị trấn S) chứng thực là hợp pháp. Sau khi thỏa thuận xong thì chị D cũng đã thực hiện các nội dung như trong “Giấy tự thuận” là trả toàn bộ nợ chung của vợ chồng cho các tổ chức tín dụng gồm M, V1, các tổ chức, cá nhân,

chị vợ và mẹ ruột anh **V** theo chị **D** trình bày với tổng số tiền là 2.750.000.000 đồng và đưa cho anh **V** 120.000.000 đồng (còn thiếu lại 30.000.000 đồng nay chị **D** tự nguyện trả cho anh **V**). Nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị **D** là phù hợp với quy định tại Điều 213 Bộ luật Dân sự và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Buộc anh **Giang Thanh V** có nghĩa vụ chuyển quyền sang tên và giao cho chị **D** quản lý sử dụng 01 nền nhà tại **đường N, khóm A, thị trấn S (nay là đường N, xã T)**; 01 căn nhà tiền chế trên diện tích đất này; 01 xe ô tô 7 chỗ biển số 66A-033.63 là đúng quy định pháp luật.

[4] Do chấp nhận yêu cầu của chị **D** công nhận “Giấy tự thuận” là hợp pháp, công nhận những tài sản tranh chấp là tài sản riêng của chị **D** nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia đôi tài sản của anh **V** là có căn cứ.

[5] Xét thấy, từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm đã xét xử phù hợp theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới ngoài những tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn **Giang Thanh V**.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 114/2025/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 27, 28, 33, 35, 37, 38, 41, 43, 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 213 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 12, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Huỳnh Thị D** đối với yêu cầu: Công nhận 02 nền nhà tại đường H, khóm A, thị trấn S (nay là đường H, xã T) là tài sản riêng của **Giang Huỳnh Quốc H3**.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh **Giang Thanh V**.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn **Huỳnh Thị D**.

3.1. Công nhận diện tích đất 169,5m² (theo đo đạc thực tế) tọa lạc tại đường N, Khóm A (nay là ấp A), thị trấn S (nay là xã T), thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 42, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 509117, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04616 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 15/9/2015 cho ông **Giang Thanh V** và căn nhà tiền chế diện tích 5m x dài 30m trên diện tích đất này là tài sản riêng của chị **Huỳnh Thị D**.

3.2. Công nhận 01 xe ô tô 7 chỗ mang biển số 66A-033.63 hiệu Captiva do anh **Giang Thanh V** đứng tên chủ sở hữu là tài sản riêng của chị **Huỳnh Thị D**.

- Buộc anh **Giang Thanh V** thực hiện việc chuyển quyền sang tên và giao cho chị **Huỳnh Thị D** quản lý, sử dụng diện tích đất 169,5m², thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại đường N, Khóm A (nay là ấp A), thị trấn S (nay là xã T).

- Buộc anh **Giang Thanh V** thực hiện việc chuyển quyền sang tên và giao cho chị **Huỳnh Thị D** quản lý, sử dụng 01 xe ô tô 7 chỗ mang biển số 66A-033.63 hiệu Captiva do anh **Giang Thanh V** đứng tên chủ sở hữu.

3.3. Buộc anh **Giang Thanh V** giao cho chị **Huỳnh Thị D** quản lý, sử dụng 01 căn nhà tiền chế diện tích 5m x dài 30m trên diện tích đất 169,5m², thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại đường N, Khóm A (nay là ấp A), thị trấn S (nay là xã T).

Vị trí đất trong phạm vi các mốc: Từ M1 đến M2, M3, M4.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp); Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 05-5-2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ) kèm theo.

(Tất cả giá trị đất và tài sản tính theo biên bản định giá ngày 17-10-2023)

- Trong trường hợp anh **Giang Thanh V** không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác lập thủ tục chuyển quyền cho chị **Huỳnh Thị D** thì đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 169,5m² (theo đo đạc thực tế) tọa lạc tại đường N, Khóm A (nay là ấp A), thị trấn S (nay là xã T), thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 42, theo

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 509117, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04616 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 15/9/2015 cho ông Giang Thanh V; thu hồi Giấy đăng ký xe ô tô mang biển số 66A-033.63 hiệu Captiva do anh Giang Thanh V đứng tên chủ sở hữu để cấp lại cho cá nhân chị Huỳnh Thị D.

3.4. Công nhận sự tự nguyện của chị Huỳnh Thị D về việc tiếp tục trả cho anh Giang Thanh V số tiền còn thiếu 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) theo “Giấy tự thuận” ngày 04-01-2018.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Giang Thanh V chịu 53.200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền anh V đã nộp tạm ứng án phí là 5.000.000 đồng theo 02 biên lai thu số: 0009305 ngày 15/10/2020 và số: 0009310 ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – Đồng Tháp), anh Giang Thanh V còn phải nộp 48.200.000 tiền án phí.

Buộc chị Huỳnh Thị D chịu 1.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền chị D đã nộp tạm ứng án phí 9.000.000 đồng theo biên lai thu số: 0009307 ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – Đồng Tháp), chị D được nhận lại số tiền chênh lệch 7.500.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Giang Thanh V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm; được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0001877 ngày 30/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, nên xem như đã nộp xong án phí.

5. Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

- Anh Giang Thanh V phải chịu chi phí 2.623.500 đồng (đã nộp xong);
- Chị Huỳnh Thị D phải chịu chi phí 2.623.500 đồng (đã nộp xong).

6. Đối với chi phí định giá:

Anh Giang Thanh V phải chịu chi phí định giá 800.000 đồng (đã nộp xong).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 12 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- THADS Khu vực 12 - Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Hải